

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		984.958.066.411	644.519.908.096
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.553.305.523	11.452.072.713
1. Tiền	111		30.553.305.523	11.452.072.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	28.003.360.000	48.074.131.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		28.005.017.515	48.940.701.005
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.657.515)	(866.570.005)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		761.683.241.022	464.118.284.649
1. Phải thu khách hàng	131		494.616.663.571	259.035.877.933
2. Trả trước cho người bán	132		132.888.885.589	95.393.587.723
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	134.177.691.862	109.688.818.993
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	129.298.878.469	87.445.069.914
1. Hàng tồn kho	141		129.298.878.469	87.445.069.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.419.281.397	33.430.349.820
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	186.771.051	119.529.330
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.309.609.929	2.352.340.875
3. Thuế và các khoản khác phải thu N.nước	153		8.181.716	2.685.110
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		28.914.718.701	30.955.794.505
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		479.204.637.553	437.125.637.974
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		242.131.955.481	227.427.098.435
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	240.935.543.562	225.987.363.932
- Nguyên giá	222		283.625.423.273	258.249.474.197
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.689.879.711)	(32.262.110.265)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	68.333.327	78.333.329
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(31.666.673)	(21.666.671)
3. Chi phí XDCB dở dang	230	V.8	1.128.078.592	1.361.401.174
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	203.029.990.062	203.912.890.759
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		105.529.990.062	116.912.890.759
2. Đầu tư dài hạn khác	258		97.500.000.000	87.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.042.692.010	5.785.648.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.042.692.010	5.785.648.780
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.464.162.703.964	1.081.645.546.070

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		575.031.009.229	215.722.087.610
I. Nợ ngắn hạn	310		575.031.009.229	215.722.087.610
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	83.033.237.687	30.681.888.189
2. Phải trả người bán	312		420.480.334.997	154.438.469.747
3. Người mua trả tiền trước	313		45.189.932.529	7.192.153.352
4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	23.970.238.539	18.050.983.779
5. Phải trả người lao động	315		698.012.470	829.397.146
6. Chi phí phải trả	316	V.13	291.318.182	66.536.635
7. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.063.072.592	4.462.658.762
8. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	322		304.862.233	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		817.393.730.369	795.156.907.337
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.15	817.393.730.369	795.156.907.337
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		748.000.000.000	680.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		69.393.730.369	115.156.907.337
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		71.737.964.366	70.766.551.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400+ 439)	440		1.464.162.703.964	1.081.645.546.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 01-DN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	1.236,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



TẠ VĂN QUYỀN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1.Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VI.1	654.790.920.237	172.761.684.797	889.130.051.483	202.851.921.281
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	21.936.900	23.284.223	21.936.900	60.538.979
3.Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ(10 = 01 - 02)	10	VI.1	654.768.983.337	172.738.400.574	889.108.114.583	202.791.382.302
4.Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	VI.2	645.665.513.893	153.104.766.927	876.457.152.675	174.619.567.073
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20 = 10 - 11)	20		9.103.469.444	19.633.633.647	12.650.961.908	28.171.815.229
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.827.938.799	9.325.756.141	21.120.744.221	17.962.059.301
7.Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	2.208.947.464	993.728.254	2.656.695.642	1.231.296.546
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.793.819.604</i>	<i>99.774.489</i>	<i>2.210.587.400</i>	<i>162.733.501</i>
8.Chi phí bán hàng	24		895.791.801	601.171.835	1.810.370.322	1.221.055.356
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.695.358.766	2.530.237.038	6.676.404.443	4.468.809.961
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		17.131.310.212	24.834.252.661	22.628.235.722	39.212.712.667
11.Thu nhập khác	31		3.484.821.479	362.804.007	15.331.279.807	1.340.998.007
12.Chi phí khác	32		6.673.821.405	358.961.046	11.399.915.165	1.513.896.006
13.Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.188.999.926)	3.842.961	3.931.364.642	(172.897.999)
14.Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		2.564.606.660	(4.268.647.341)	2.952.535.676	(7.260.425.943)
15.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40 + 45)	50		16.506.916.946	20.569.448.281	29.512.136.040	31.779.388.725

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý II năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	3.126.002.454	4.889.567.142	5.999.037.532	7.971.105.660
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		304.862.233	-	304.862.233	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.076.052.259	15.679.881.139	23.208.236.275	23.808.283.065
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		161.646.328	873.514.881	971.265.211	892.621.301
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (62 = 60 - 61)	62		12.914.405.931	14.806.366.258	22.236.971.064	22.915.661.764
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	190,97	217,74	338,94	337,00

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



TẠ VĂN QUYỀN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền
Người Lập Biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤTTầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý II năm 2015

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.512.136.040	31.779.388.725
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	11.045.715.398	10.019.814.350
- Các khoản dự phòng	03	(864.912.490)	(562.635.945)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		734.837
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.910.466.955)	(2.289.535.090)
- Chi phí lãi vay	06	2.210.587.400	162.733.501
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	21.993.059.393	39.110.500.378
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(316.960.146.500)	(258.161.543.236)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(41.853.808.555)	(19.208.687.902)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	303.835.884.983	160.160.199.999
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.675.715.049	645.675.327
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.985.805.853)	(158.241.835)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.408.004)	(6.640.015.338)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	27.969.581.142	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(41.356.180.732)	(512.902.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	(46.689.109.077)	(84.765.015.327)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(33.235.667.884)	(6.769.067.273)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.322.123.900	106.392.170
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.000.000.000)	(23.641.200.056)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.192.100.000	92.893.669.129
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(49.124.563.627)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	78.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.085.000.000	2.283.782.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.438.992.389	64.873.576.747
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	82.927.437.460	74.501.543.341
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.576.087.962)	(65.917.454.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	52.351.349.498	8.584.089.220
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	19.101.232.810	(11.307.349.360)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.452.072.713	26.588.258.309
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(734.837)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30.553.305.523	15.280.174.112

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

TẠ VĂN QUYỀN
Tổng Giám đốcHOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởngNGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất chokỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ “Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt” thành “Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất”, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 0105334948 vào ngày 29 tháng 05 năm 2015.

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất – Xây dựng

Ngành, nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình công ích; xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic, Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa, Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tháp CEO, HH2-1 Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

6. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

11. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	5

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

12. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp và mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

-
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt	10.172.256.185	5.709.015.545
Tiền gửi ngân hàng	17.161.049.338	5.743.057.168
Tiền đang chuyển	3.220.000.000	-
Cộng	<u>20.553.305.523</u>	<u>11.452.072.713</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư chứng khoán (i)	5.017.515	9.748.601.005
Cho vay ngắn hạn (j)	28.000.000.000	39.192.100.000
	<u>28.005.017.515</u>	<u>48.940.701.005</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (i)	(1.657.515)	(866.570.005)
Đầu tư ngắn hạn thuần	<u>28.003.360.000</u>	<u>48.074.131.000</u>

(i) Chi tiết cổ phiếu đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ sách	Giảm so với giá thị trường	Giá trị theo giá thị trường
Công ty cổ phần tập đoàn Tiến Bộ	300	5.017.515	1.657.515	3.360.000
Cộng	300	5.017.515	1.657.515	3.360.000

(j) Các khoản cho vay có thời hạn trong vòng 1 năm với lãi suất 7% - 8,5%/năm.

3. Các khoản phải thu khác

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại G.C.T		-
Phải thu từ chuyển nhượng vốn	121.150.000.000	106.900.000.000
Lãi cho vay phải thu	281.393.836	2.004.894.107
Phải thu khác	12.746.298.026	783.924.886
Cộng	<u>134.177.691.862</u>	<u>109.688.818.993</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Nguyên liệu, vật liệu	27.507.342.985	19.289.338.033
Công cụ, dụng cụ	939.567.671	692.506.629
Chi phí SX, KD dở dang	43.278.248.068	37.458.876.867
Thành phẩm	21.918.543.408	26.222.937.239
Hàng hóa	35.655.176.337	3.781.411.146
Cộng	<u>129.298.878.469</u>	<u>87.445.069.914</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Chi phí mua bảo hiểm	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	158.743.764	91.502.043
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	28.027.287	28.027.287
Cộng	<u>186.771.051</u>	<u>119.529.330</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

6. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	95.643.508.532	155.370.988.270	3.491.129.555	543.580.728	3.200.267.112	258.249.474.197
Tăng trong kỳ	24.818.378.374	3.699.921.430	2.144.461.909	41.300.000		30.704.061.713
Giảm trong kỳ	4.000.000.000	630.030.137	534.446.136		163.636.364	5.328.112.637
Số cuối kỳ	116.461.886.906	158.440.879.563	5.101.145.328	584.880.728	3.036.630.748	283.625.423.273
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	8.357.208.140	21.728.818.672	1.099.062.355	166.031.882	910.989.216	32.262.110.265
Tăng trong kỳ	2.938.893.695	7.496.426.097	244.134.072	52.598.460	303.663.072	11.035.715.396
Khấu hao trong kỳ	2.938.893.695	7.496.426.097	244.134.072	52.598.460	303.663.072	11.035.715.396
Tăng khác						
Giảm trong kỳ	444.444.444		163.501.506			607.945.950
Số cuối kỳ	10.851.657.391	29.225.244.769	1.179.694.921	218.630.342	1.214.652.288	42.689.879.711
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	87.286.300.392	133.642.169.598	2.392.067.200	377.548.846	2.289.277.896	225.987.363.932
Số cuối kỳ	105.610.229.515	129.215.634.794	3.921.450.407	366.250.386	1.821.978.460	240.935.543.562

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	100.000.000	-	-	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	21.666.671	10.000.002	-	31.666.673
Giá trị còn lại	78.333.329	10.000.002	-	68.333.327

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015	31/12/2014
CPXDCB DD tại Công ty CP Năng lượng Thống Nhất	1.128.078.592	1.128.078.592
CP XDCB DD tại Công ty cổ phần Tre công nghiệp TN	-	233.322.582
Cộng	1.128.078.592	1.361.401.174

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Số 52, Phạm Văn Đồng, Thị trấn Núi Thành, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	90,00%	90,00%	135.000.000.000	Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung	Thôn 1, xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	52,46%	52,46%	16.000.000.000	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất	Thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	95,00%	95,00%	95.000.000.000	Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp)
Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	65,00%	65,00%	89.010.000.000	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	100,00%	100,00%	8.000.000.000	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Công ty cổ phần xây dựng Hạ tầng Thống Nhất	Số 38, đường 18, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%	15.300.000.000	XD công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Thống Nhất	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Thuận	65,00%	65,00%	50.000.000	Buôn bán phân bón các loại

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo 15

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Nhất Tây Nguyên	An, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	100,00%	100,00%		Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Công ty TNHH MTV Trading Thống Nhất	Tầng 2, tháp CEO, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội				
Cộng				358.360.000.000	

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2015	01/01/2015
Đầu tư vào các công ty liên kết	102.422.255.787	116.757.692.160
Điều chỉnh phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết	3.107.734.275	155.198.599
Cộng	105.529.990.062	116.912.890.759

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty CP Granite Phú Yên	Sông Cầu - Phú Yên	20,50%	20,50%	36.900.000.000	Khai thác đá
Công ty CP Thực Phẩm Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng	35,00%	35,00%	65.522.255.787	Sản xuất rượu và XK điều
Cộng				102.422.255.787	

10. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	87.000.000.000
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	-
Cộng	97.500.000.000	87.000.000.000

Thông tin chi tiết về các Công ty TNHH Thống Nhất và Châu Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thống Nhất	Quảng Trị	14,10%	14,10%	79.500.000.000	Khai thác titan
Công ty CP NLN Châu Giang	Hà nội	18,00%	18,00%	18.000.000.000	
Cộng				97.500.000.000	

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc	180.525.798	389.180.924

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chi phí công cụ, dụng cụ	2.373.477.198	2.722.314.436
Các chi phí khác	1.488.689.014	2.674.153.420
Cộng	4.042.692.010	5.785.648.780
12. Vay ngắn hạn		
	30/06/2015	01/01/2015
Vay ngắn hạn	83.033.237.687	30.681.888.189
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	83.033.237.687	30.681.888.189
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	30/06/2015	01/01/2015
Thuế giá trị gia tăng	1.093.498.647	1.288.906.023
Thuế xuất, nhập khẩu	-	24.787.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.518.005.923	16.526.376.395
Thuế thu nhập cá nhân	74.765.850	79.328.034
Các loại thuế khác	283.968.119	131.585.729
Cộng	23.970.238.539	18.050.983.779
14. Các khoản phải trả phải, phải nộp ngắn hạn khác		
	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	22.771.875	67.580.584
Bảo hiểm xã hội, y tế, TN	224.588.047	162.887.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	815.712.670	4.232.191.067
Cộng	1.063.072.592	4.462.658.762

15. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	680.000.000.000	27.624.686.024	707.624.686.024
Tăng trong năm	-	-	-
Lãi trong năm	-	86.456.120.446	86.456.120.446
Điều chỉnh hợp nhất	-	1.076.100.867	1.076.100.867
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm trước/Số đầu năm nay	680.000.000.000	115.156.907.337	795.156.907.337
Tăng trong kỳ	68.000.000.000	22.236.971.064	90.236.971.064
Tăng vốn trong kỳ	68.000.000.000	-	68.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	22.236.971.064	22.236.971.064
Giảm trong kỳ	-	68.000.148.032	68.000.148.032
Trả cổ tức	68.000.000.000	-	68.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Điều chỉnh hợp nhất		148.032	148.032
Số cuối kỳ	748.000.000.000	69.393.730.369	817.393.730.369
Cổ phiếu			
		30/06/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		74.800.000	68.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng			
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		74.800.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			-
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>			-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		74.800.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu	654.790.920.237	172.761.684.797	889.130.051.483	202.851.921.281
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng	637.200.212.567	128.952.953.518	869.347.949.754	156.951.923.922
Doanh thu cung cấp dịch vụ		2.235.162.240	-	4.326.428.320
Doanh thu xây dựng	19.684.834.034	41.573.569.039	19.782.101.729	41.573.569.039
Các khoản giảm trừ doanh thu	21.936.900	23.284.223	21.936.900	60.538.979
Thuế XNK	21.936.900	23.284.223	21.936.900	60.538.979
Hàng bán bị trả lại				
Doanh thu thuần	654.768.983.337	172.738.400.574	889.108.114.583	202.791.382.302

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng bán	629.857.201.283	121.046.143.628	858.823.827.795	141.873.275.606
Giá vốn dịch vụ		2.115.955.058	-	2.803.623.226
Giá vốn xây dựng	15.808.312.610	29.942.668.241	17.633.324.880	29.942.668.241

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Cộng	645.665.513.893	153.104.766.927	876.457.152.675	174.619.567.073
-------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, cho vay	1.274.528.769	849.208.669	1.289.737.960	2.175.068.777
Cổ tức, lợi nhuận được chia				
Lãi bán các khoản đầu tư	13.537.299.000	8.473.633.072	19.787.299.000	15.784.076.124
Lãi CLTG đã thực hiện	15.651.595	2.914.400	43.247.826	2.914.400
Lãi CLTG chưa thực hiện				
Doanh thu tài chính khác	459.435		459.435	
Cộng	14.827.938.799	9.325.756.141	21.120.744.221	17.962.059.301

4. Chi phí tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	1.793.819.604	99.774.489	2.210.587.400	162.733.501
Lỗ bán các khoản đầu tư	1.166.570.005	1.202.169.759	1.166.570.005	1.435.326.250
Lỗ CLTG đã thực hiện	29.682.384		60.662.766	
Lỗ CLTG do đánh giá lại		734.837		734.837
Hoàn nhập Dự phòng đầu tư ngắn hạn	(864.912.490)	(380.589.710)	(864.912.490)	(562.635.945)
Chi phí tài chính khác	83.787.961	71.638.879	83.787.961	195.137.903
Cộng	2.208.947.464	993.728.254	2.656.695.642	1.231.296.546

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.506.916.946	20.569.448.281	29.512.136.040	31.779.388.725
Điều chỉnh tăng	-	5.021.6110.292	-	8.013.388.894
Điều chỉnh giảm	2.297.814.882	108.714.000	2.243.783.622	108.714.000
Tổng thu nhập chịu thuế	14.209.102.064	25.482.344.573	27.268.352.418	39.694.063.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.126.002.454	5.443.857.691	5.999.037.532	7.971.105.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.126.002.454	5.443.857.691	5.999.037.532	7.971.105.660

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế	13.076.052.259	15.679.881.139	23.208.236.275	23.808.283.065
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(873.514.881)	-	(892.621.301)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.076.052.259	14.806.366.258	23.208.236.275	22.915.661.764
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	68.472.222	68.000.000	68.472.222	68.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	190,97	217,74	338,94	337,00

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.861.382.809	114.783.706.317
Chi phí nhân công	9.683.741.109	13.559.877.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.045.715.398	20.062.654.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.257.763.261	15.718.688.499
Chi phí bằng tiền khác	247.552.167	1.106.906.579
Cộng	83.096.154.744	165.231.833.554

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất
Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất
Công ty cổ phần Hạ tầng Thống Nhất
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất
Công ty CP Vật tư NN TN Tây Nguyên

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình 2,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Công ty TNHH MTV Trading Thống Nhất	Công ty con
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Quý II	Quý II
Thu nhập của Ban điều hành, quản lý		
Lương, thưởng	246.000.000	246.000.000
Cộng	246.000.000	246.000.000

Tại ngày 30/06/2015, Công ty không có số dư với các bên liên quan

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất và các Công ty con đều hoạt động trong cùng ngành, nghề: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình công ích; xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic, Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa, Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây dựng	Hoạt động dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Số cuối quý					
Tài sản					
Tài sản bộ phận	476.281.662.446	18.335.001.125			494.616.663.571
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn				28.003.360.000	28.003.360.000
Các khoản đầu tư TC dài hạn				203.029.990.062	203.029.990.062
Tài sản không phân bổ				738.512.690.331	738.512.690.331
Tổng tài sản	476.281.662.446	18.335.001.125		969.546.040.393	1.464.162.703.964
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	385.139.963.713	35.340.371.284			420.480.334.997
Nợ phải trả không phân bổ				154.550.674.232	154.550.674.232
Tổng nợ phải trả	385.139.963.713	35.340.371.284		154.550.674.232	575.031.009.229

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,

đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Số đầu năm**Tài sản**

Tài sản bộ phận	209.114.919.016	49.920.958.917		259.035.877.933
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn			48.074.131.000	48.074.131.000
Các khoản đầu tư TC dài hạn			203.912.890.759	203.912.890.759
Tài sản không phân bổ			570.622.646.378	570.622.646.378
Tổng tài sản	209.114.919.016	49.920.958.917	822.609.668.137	1.081.645.546.070

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	135.039.300.228	19.399.169.519		154.438.469.747
Nợ phải trả không phân bổ			61.283.617.863	61.283.617.863
Tổng nợ phải trả	135.039.300.228	19.399.169.519	61.283.617.863	215.722.087.610

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây dựng	Hoạt động dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Kỳ tài chính từ 01/01/2015 đến 30/06/2015					
Doanh thu bộ phận	866.347.949.754	22.782.101.729			889.130.051.483
Giảm trừ	(21.936.900)				(21.936.900)
Doanh thu thuần	866.326.012.854	22.782.101.729			889.108.114.583
Chi phí bộ phận	(855.836.564.645)	(20.620.588.030)		(5.534.239.089)	(881.991.391.764)
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	10.489.448.209	2.161.513.699		(5.534.239.089)	7.116.722.819
Doanh thu tài chính				21.120.744.221	21.120.744.221
Chi phí tài chính				(2.656.695.642)	(2.656.695.642)
Thu nhập khác				15.331.279.807	15.331.279.807
Chi phí khác				(11.399.915.165)	(11.399.915.165)
Tổng LN kế toán trước thuế	10.489.448.209	2.161.513.699		16.861.174.132	29.512.136.040
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(5.999.037.532)	(5.999.037.532)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(304.862.233)	(304.862.233)
LN sau thuế	10.489.448.209	2.161.513.699		10.557.274.367	23.208.236.275

Bộ phận theo khu vực địa lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại 3 khu vực theo địa chỉ trụ sở của Công ty và các công ty con như sau:

- Thành phố Hà Nội: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất, Công ty cổ phần Xây dựng Hạ tầng Thống Nhất, Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất;
- Tỉnh Quảng Nam: Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung và Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung;
- Tỉnh Quảng Bình: Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.553.305.523	11.452.072.713
Đầu tư ngắn hạn	28.003.360.000	48.074.131.000
Phải thu khách hàng	494.616.663.571	259.035.877.933
Các khoản phải thu khác	134.177.691.862	109.688.818.993
Cộng	687.351.020.956	428.250.900.639
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	83.033.237.687	30.681.888.189
Phải trả cho người bán	420.480.334.997	154.438.469.747
Cộng	503.513.572.684	185.120.357.936

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình, Hà Nội,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung ở lĩnh vực cung cấp dịch tiếp vận, cho nên, Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các khách hàng quen thuộc, tìm hiểu kỹ thông tin về khả năng tài chính đối với các đơn vị giao dịch lần đầu và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	83.033.237.687			83.033.237.687
Phải trả người bán	420.480.334.997			420.480.334.997
Cộng	503.513.572.684			503.513.572.684

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	30.553.305.523			30.553.305.523
Đầu tư ngắn hạn	28.003.360.000			28.003.360.000
Phải thu khách hàng	494.616.663.571			494.616.663.571
Các khoản phải thu khác	134.177.691.862			134.177.691.862
Cộng	687.351.020.956			687.351.020.956
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ	183.837.448.272			183.837.448.272
Số đầu kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	30.681.888.189	-	-	30.681.888.189
Phải trả người bán	154.438.469.747	-	-	154.438.469.747
Cộng	185.120.357.936	-	-	185.120.357.936
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	11.452.072.713	-	-	11.452.072.713
Đầu tư ngắn hạn	48.074.131.000	-	-	48.074.131.000
Phải thu khách hàng	259.035.877.933	-	-	259.035.877.933
Các khoản phải thu khác	109.688.818.993	-	-	109.688.818.993
Cộng	428.250.900.639	-	-	428.250.900.639
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ	243.130.542.703			243.130.542.703

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015



TẠ VĂN QUYÊN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu

